

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 2 – Năm học: 2022 – 2023

Môn học/Nhóm: Cầu lông 1 – Nhóm 13

Số tín chỉ: 02

CBGD: Nguyễn Thành Quân

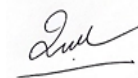
STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2121190075	Nguyễn Hoài	An	24/02/2003	CCQ2119C	7.2	7	7.1	
2	2122120406	Nguyễn Phạm Xuân	An	22/05/2004	CCQ2212L	9.0	7	7.8	
3	2122210162	Trần Quốc	Bảo	10/06/2004	CCQ2221B	8.8	6	7.1	
4	2122130001	Phạm Thị Yên	Chi	20/05/2004	CCQ2220F	6.8	6	6.3	
5	2122200147	Thăng Văn	Công	20/01/2003	CCQ2220E	7.7	8	7.9	
6	2122200182	Phan Thị	Diễm	16/08/2004	CCQ2220F	6.0	5	5.4	
7	2122200160	Lưu Hồng	Diệp	11/05/2004	CCQ2220E	0.0	0	0.0	Vắng
8	2122030121	Nguyễn	Duy	28/09/2004	CCQ2203D	8.0	6	6.8	
9	2122210057	Hồ Thị Thùy	Duyên	22/08/2004	CCQ2221B	7.2	7	7.1	
10	2122200017	Lê Thị Ngọc	Duyên	21/05/2004	CCQ2220A	6.2	5	5.5	
11	2122120359	Đặng Văn	Đạt	16/02/2004	CCQ2212K	7.3	9	8.3	
12	2122200151	Nguyễn Tấn	Đạt	21/01/2004	CCQ2220E	7.5	7	7.2	
13	2122200204	Nguyễn Kim	Đồng	31/08/2004	CCQ2220E	6.7	8	7.5	
14	2122030208	Phan Xuân	Đức	25/07/2004	CCQ2203D	6.2	6	6.1	
15	2122030116	Trần Tiên	Giang	30/01/2004	CCQ2203D	6.7	6	6.3	
16	2121190073	Ngô Thị Duy	Hạ	23/06/2003	CCQ2119C	7.3	7	7.1	
17	2121030123	Nguyễn Trung	Hải	26/04/2003	CCQ2103D	6.7	6	6.3	
18	2122200234	Dương Thị	Hạnh	22/05/2004	CCQ2220G	5.2	6	5.7	
19	2122240051	Nguyễn Mỹ	Hạnh	02/08/2004	CCQ2220F	7.3	7	7.1	
20	2122030125	Phan Văn	Hậu	18/03/2004	CCQ2203D	7.2	6	6.5	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
21	2122210072	Trần Thị Thu	Hiền	02/02/2004	CCQ2221B	7.5	5	6.0	
22	2122030103	Nguyễn Quốc	Hiệp	01/01/2004	CCQ2203C	6.0	6	6.0	
23	2121030104	Trần Đình	Hoàn	20/04/2003	CCQ2103C	7.5	8	7.8	
24	2121120293	Lê Sỹ	Hoàng	13/11/2002	CCQ2112I	0.0	0	0.0	Vắng
25	2122030112	Lương Văn	Hội	07/06/2004	CCQ2203D	6.3	8	7.3	
26	2119220012	Nguyễn Trung	Huy	08/08/1999	CCQ1922A	6.2	6	6.1	
27	2122270005	Phạm Thị Mỹ	Huyền	21/01/2004	CCQ2227A	6.7	6	6.3	
28	2122030243	Nguyễn	Hung	23/03/2004	CCQ2203D	9.0	9	9.0	
29	2122140002	Đào Văn	Khương	08/06/2004	CCQ2214A	8.0	6	6.8	
30	2120270222	Nguyễn Văn	Kiệt	20/07/2002	CCQ2027G	7.5	9	8.4	
31	2122120221	Hoàng Thị Thúy	Kiều	26/08/2004	CCQ2212G	5.3	6	5.7	
32	2122200206	Phan Thị Thuý	Kiều	04/04/2004	CCQ2220E	7.5	5	6.0	
33	2122200177	Đàng Lý Thiên	Kim	20/02/2004	CCQ2220F	8.7	5	6.5	
34	2121190079	Võ Thị Đông	Lầu	28/11/2003	CCQ2119C	7.5	5	6.0	
35	2122200187	Bùi Thị Thùy	Linh	09/09/2004	CCQ2220F	7.3	7	7.1	
36	2122200142	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	03/03/2004	CCQ2220E	6.0	6	6.0	
37	2122200179	Phan Huỳnh Thanh	Loan	15/07/2004	CCQ2220F	6.2	6	6.1	
38	2122210027	Nguyễn Tà Kim	Lưu	01/08/2004	CCQ2221A	6.8	6	6.3	
39	2122120085	Trần Lâm Khánh	Ly	05/12/2004	CCQ2212C	6.2	7	6.7	
40	2122120170	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	03/10/2004	CCQ2212E	5.5	7	6.4	
41	2122120405	Nguyễn Hoài	Mộng	27/04/2004	CCQ2212L	8.2	8	8.1	
42	2122120347	Phạm Thị	Mơ	03/10/2004	CCQ2212K	7.7	7	7.3	
43	2122120348	Lê Thị Thu	Ngân	30/09/2004	CCQ2212K	5.3	6	5.7	
44	2122200066	Thái Thị Kim	Ngân	20/05/2004	CCQ2220B	6.7	8	7.5	
45	2122030098	Lê Hoàng Hoài	Nhân	13/08/2004	CCQ2203C	8.8	10	9.5	
46	2122200178	Đặng Yến	Nhi	20/09/2004	CCQ2220F	6.8	8	7.5	
47	2122200212	Dương Thị Huỳnh	Như	28/09/2004	CCQ2220F	5.3	6	5.7	
48	2122030211	Lê Tài	Phúc	08/09/2004	CCQ2203D	5.8	7	6.5	
49	2122120084	Trương Thục	Phương	19/05/2004	CCQ2212C	6.2	8	7.3	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
50	2122120099	Võ Lưu	Phương	19/03/2004	CCQ2220F	6.0	6	6.0	
51	2122030095	Bá Thiên Minh	Quang	08/11/2004	CCQ2203C	5.0	6	5.6	
52	2122180044	Huỳnh Nhật	Quang	10/08/2004	CCQ2218B	8.3	7	7.5	
53	2122030137	Phạm Lê	Quân	08/11/2004	CCQ2203D	6.0	8	7.2	
54	2122210076	Mai Như	Quỳnh	27/02/2004	CCQ2221B	7.5	10	9.0	
55	2122270136	Nguyễn Hoàng Hương	Quỳnh	02/03/2004	CCQ2227D	7.5	6	6.6	
56	2122140038	Lê Nhật	Thắng	09/07/2003	CCQ2214B	6.8	6	6.3	
57	2122270046	Trương Thị Diễm	Thi	12/04/2004	CCQ2227B	7.5	8	7.8	
58	2122200064	Nguyễn Thị Thanh	Thì	05/09/2004	CCQ2220B	6.2	6	6.1	
59	2122210040	Trần Thị Lê	Thùy	10/10/2004	CCQ2221B	6.7	8	7.5	
60	2122210067	Trần Thị Nghi	Thường	20/11/2004	CCQ2221B	7.3	7	7.1	
61	2122270030	Đỗ Nguyễn Hoa	Tình	29/09/2004	CCQ2227A	7.0	7	7.0	
62	2121190085	Đào Thị Huyền	Trang	14/07/2002	CCQ2119C	7.5	5	6.0	
63	2121190076	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc	28/08/2003	CCQ2119C	6.7	6	6.3	
64	2122140016	Lê Quốc	Trung	17/02/2004	CCQ2214A	6.7	7	6.9	
65	2121030084	Huỳnh Ngọc	Tuấn	26/10/2003	CCQ2103C	5.5	8	7.0	
66	2122120389	Cao Thị Mỹ	Tuyền	08/09/2004	CCQ2212L	7.7	6	6.7	
67	2122200175	Phan Thị Thanh	Tuyền	12/08/2004	CCQ2220F	7.3	6	6.5	
68	2122120105	Nguyễn Thị	Tuyết	17/12/2003	CCQ2212C	7.5	5	6.0	
69	2122270072	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	12/05/2004	CCQ2227C	6.0	6	6.0	
70	2122140006	Đặng Nguyên Huy	Viễn	16/12/2003	CCQ2214A	8.3	8	8.1	
71	2122120095	Nguyễn Trang Thảo	Vy	04/02/2004	CCQ2212C	7.7	6	6.7	

TPHCM, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân